

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2018/HS-ST
Ngày 05- 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu.

2. Bà Tô Thị Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thùy Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS đối với bị cáo:

Đặng Tồn N (tên gọi khác Đặng Phụ O), sinh ngày 28 tháng 11 năm 1974 tại xã TN, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm NR, xã TN, huyện NB, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Dao; con ông: Đặng Quỳ P và bà Đặng Mùi G; Anh chị em ruột, có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là Hoàng Mùi N, sinh năm 1973 và có 07 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/11/2017 chuyển tạm giam từ ngày 08/11/2017 đến nay. Bị cáo được dẫn giải, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Dao: Bà Triệu Thị L. Có mặt.

Nơi công tác: Phòng kinh tế hạ tầng huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

14 giờ ngày 4/11/2017, N đi làm thuê ở xã CT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng có gặp một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi mà N không biết họ tên, địa chỉ hỏi N là có biết ai mua thuốc phiện không, N cho người đàn ông này biết 7 năm trước N và một người đàn ông khác tên H có bán thuốc phiện cho một người đàn ông khoảng 50 tuổi ở Thành phố CB 01 cục nhựa thuốc phiện to bằng đầu ngón tay cái với giá tiền là 1.200.000 đồng, nên N đã gọi điện thoại cho H nhưng H cho biết là người đàn ông này đã chết, do đó N nhờ H lấy số điện thoại của N cho người nhà của người đàn ông Thành phố CB. Sau 15 phút thì N có cuộc gọi điện thoại từ một người đàn ông giới thiệu là con trai của người đàn ông đã chết, N hỏi người con trai này có còn mua thuốc phiện không, người con trai này nói là có, N hỏi tiếp giá cả thế nào có 01 cục bằng quả trứng gà, người con trai này hỏi giá bao nhiêu tiền, N trả lời là 6.000.000, người con trai này hỏi tiếp là có một cục hay hai cục, do N để điện thoại loa ngoài, người đàn ông người Mông đang ở với N nói là có thêm một cục như thế nữa, người con trai này đồng ý mua 02 cục giá là 12.000.000 đồng, phương thức giao hàng nhận tiền là N đi theo đường mòn KV thuộc xóm NC, xã YS đi thị trấn TN, còn người con trai đi xe máy màu vàng ngược chiều, gặp nhau ở đâu thì giao hàng và trả tiền ở đó. N và người đàn ông người Mông thống nhất N lấy 02 cục nhựa thuốc phiện với người đàn ông này để đi bán, hôm sau sẽ gặp nhau ở quán phở để chia đôi số tiền bán nhựa thuốc phiện có được. Trên đường đi bán nhựa thuốc phiện, đến 17 giờ 30 phút thì bị tổ công tác Công an huyện TN bắt quả tang. Ngoài thu giữ 02 cục nhựa thuốc phiện, tổ công tác còn thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu itell, nắp sau màu đen, đã qua sử dụng và số tiền Việt Nam 216.000 đồng.

Kết quả cân xác định trọng lượng số tang vật thu giữ được của N là 73,43 gam, đồng thời lấy 1,4008 gam đi giám định.

Kết luận giám định số 212/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng ngày 16/11/2017 kết luận chất màu đen gửi đến giám định là Thuốc phiện.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Tồn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông 40 tuổi đã đưa 02 cục thuốc phiện cho bị cáo N để đem đi bán, do bị cáo không biết tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có điều kiện điều tra mở rộng vụ án.

Đối với người đàn ông tên H, mà bị cáo khai đã cùng với Hin đi bán thuốc phiện khoảng 7 năm về trước, bị cáo khai H đã vào Miền Nam sinh sống đã lâu, không biết địa chỉ cụ thể, trong danh bạ điện thoại không lưu số điện thoại của H nên cơ quan điều tra không có điều kiện điều tra mở rộng vụ án.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo số tiền 216.000 đồng do số tiền này

không liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 18/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố bị cáo Đặng Tồn N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Tồn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đặng Tồn N từ 26 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo trong xã, thu nhập thấp và không ổn định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đã niêm phong mặt trước ghi vật chứng vụ án Đặng Tồn N Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 04/11/2017; Tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại itell, nắp sau màu đen đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm k khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội do lạc hậu” và đề nghị xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Đặng Tồn N nhất trí với bản luận cứ bản bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đặng Tồn N có hộ khẩu thường trú tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nhưng bị cáo bị bắt phạm tội quả tang tại khu vực KV thuộc xóm NC, xã YS, huyện TN, tỉnh Cao Bằng do đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện TN theo quy định tại Khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự; Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa, do đó phiên tòa vẫn được tiến hành theo Khoản 1 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đặng Tồn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, chiều ngày 4/11/2017 bị cáo N lấy 02 cục thuốc phiện với người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi ở xã CT huyện NB mà bị cáo không biết họ tên, địa chỉ để đem đi bán cho một người con trai ở Thành phố CB mà bị cáo cũng không biết họ, tên địa chỉ; đến 17 giờ 30 phút cùng ngày khi đang trên đường vận chuyển 02 cục thuốc phiện đi bán thì bị tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TN phát hiện bắt quả tang tại khu vực KV thuộc xóm NC xã YS, tổng trọng lượng thuốc phiện là 73,43 gam. Căn cứ hướng dẫn tại điểm g tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số: 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp quy định “Mua bán trái phép chất ma túy là một trong các hành vi sau đây: ... g) Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác”; Từ đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Tồn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN truy tố bị cáo N ra trước Tòa án nhân dân huyện TN theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm. Bị cáo sinh ra với lớn lên trong gia đình thuần nông, bị cáo không được đi học nên mù chữ, bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội, khi phạm tội bị cáo Đặng Tồn N có đầy đủ năng lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Để góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét về nhân thân, bị cáo N có nhân tốt được thể hiện là bị cáo không có tiền án, tiền sự; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo

tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội do lạc hậu” không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì tuy bị cáo mù chữ, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có lời khai là biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì nhưng vì hám lợi mà bị cáo cố tình thực hiện. Xét nguyên nhân hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và công tác phòng chống tội phạm ma túy tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tu dưỡng phấn đấu trở thành công dân tốt biết tôn trọng pháp luật và sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua kết quả xác minh hoàn cảnh gia đình bị cáo tại địa phương, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo trong xã, gia đình đông con, trong nhà không có tài sản nào đáng giá, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo tự khai ra 7 năm về trước, căn cứ vào Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự “Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội”, do đó trong vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo 7 năm về trước kể trên.

[6] Đối với người đàn ông dân tộc Mông 40 tuổi đã đưa 02 cục thuốc phiện cho bị cáo N để đem đi bán, do bị cáo không biết tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có điều kiện điều tra mở rộng vụ án và người đàn ông tên H, bị cáo khai đã cùng với H đi bán thuốc phiện khoảng 7 năm về trước, bị cáo khai H đã vào Miền Nam sinh sống đã lâu, không biết địa chỉ cụ thể, trong danh bạ điện thoại không lưu số điện thoại của H nên cơ quan điều tra cũng không có điều kiện điều tra mở rộng vụ án. Số tiền 216.000 đồng, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng vì số tiền này là do bị cáo bán trực có được, không phải vật chứng của vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy còn lại sau khi trích lấy mẫu gửi giám định được đựng trong 01 phong bì đã niêm phong mặt trước ghi vật chứng vụ án Đặng Tồn N Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 04/11/2017 tại xóm NC, xã YS, huyện TN, tỉnh Cao Bằng. Mặt sau có hình dấu đỏ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng và chữ ký thành phần tham gia; Đối với 01 chiếc điện thoại itell, nắp sau màu đen đã qua sử dụng mà bị cáo đã dùng để liên lạc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, là vật chứng vụ án, xét thấy chiếc điện thoại này vẫn còn giá trị sử dụng do đó cần tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Tồn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

[9] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và hướng xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận; Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt không được chấp nhận; Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Tồn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Tồn N 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 4/11/2017.

Bị cáo không phải chịu hình phạt bổ sung.

2. Về vật chứng vụ án.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, tiêu huỷ số ma túy còn lại được đựng trong 01 phong bì đã niêm phong mặt trước ghi vật chứng vụ án Đặng Tồn N Mua bán trái phép chất ma túy. Xảy ra ngày 04/11/2017 tại xóm NC, xã YS, huyện TN, tỉnh Cao Bằng. Mặt sau có hình dấu đỏ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng và chữ ký thành phần tham gia.

+ Tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại itell, nắp sau màu đen đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thông Nông theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Đặng Tồn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TN;
- Bị cáo;
- CA huyện TN;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- CC THA DS huyện TN;
- UBND xã TN, huyện NB;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Thị Kim